

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2019/HN-ST

Ngày: 17 - 10 - 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Lê Văn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2019/TLST-HN ngày 19 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2019/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M** - Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ TP, đường TG 1, khu phố HL 1, phường TA, thị xã TG, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày, bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1996, hôn nhân do mai mối, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đánh bà rất nhiều lần. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn ông T.

Về con chung: Bà M xác định vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Văn N** – Sinh ngày 25/12/1997, **Nguyễn Thị Th** – Sinh ngày 26/7/1999; **Nguyễn Thị H** – Sinh ngày 28/8/2001, đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà M xác định không có.

Về nợ chung: Bà M xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà M và được triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng ông vắng mặt không lý do chính đáng nên không ghi nhận lời trình bày được.

Tại phiên tòa hôm nay bà M có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Không công nhận bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Văn N** – Sinh ngày 25/12/1997, **Nguyễn Thị Th** – Sinh ngày 26/7/1999; **Nguyễn Thị H** – Sinh ngày 28/8/2001, đã thành niên.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú ấp LT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Lê Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng ông vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đánh đập bà M rất nhiều lần. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012 cho

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà M xin ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà M và ông T sống chung với nhau vào năm 1996, không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ cơ sở trên, không công nhận bà M và ông T là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà M xác định có 03 con chung tên **Nguyễn Văn N** – Sinh ngày 25/12/1997, **Nguyễn Thị Th** – Sinh ngày 26/7/1999; **Nguyễn Thị H** – Sinh ngày 28/8/2001, đã thành niên. Hội đồng xét xử không xem xét

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà M xác định không có. Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3]- Về nợ chung: Ghi nhận bà M xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà **Lê Thị M** và ông **Nguyễn Văn T** là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà M xác định vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Văn N** – Sinh ngày 25/12/1997, **Nguyễn Thị Th** – Sinh ngày 26/7/1999; **Nguyễn Thị H** – Sinh ngày 28/8/2001, đã thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Bà M xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà M và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm bà M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

theo biên lai số 0013195 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến An;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức